

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 37/2023/DS-PT

Ngày 11/7/2023

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam, ông Ma Ngọc Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên; Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:**
Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST, ngày 24/9/2022 của TAND huyện H, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2023/QĐ-PT, ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Đinh Văn B**, sinh năm 1971; vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 07/7/2023, nộp tại phiên tòa ngày 11/7/2023): **Ông Trịnh Văn T**, sinh năm 1985; Trú quán: Tổ 10, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Chí D**, sinh năm 1970; có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3. **Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1975; có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bà Vũ Thị N, sinh năm 1978; có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Đinh Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn Ông Đinh Văn B trình bày: Ông B và vợ là Bà Vũ Thị N là chủ sử dụng đất của thửa đất số 41 tờ bản đồ số 116, địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, có diện tích 910,9m², ông bà đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 587887, ngày cấp 31/12/2013. Đây là một phần trong diện tích đất bố mẹ ông khai phá từ năm 1960, khi ông Đinh Văn Đ (bố đẻ ông B) chết năm 2008 thì vợ chồng ông được thừa kế diện tích đất này. Năm 2015 Ông Nguyễn Chí D nhận chuyển nhượng thửa đất số 220 tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, có diện tích 147m², của ông Đàm Đình Kh. Diện tích đất ông D nhận chuyển nhượng của ông Kh có nguồn gốc là một phần thửa đất của gia đình bà Đoàn Thị Ph, ông Kh mua của bà Ph. Thửa đất của vợ chồng Ông Nguyễn Chí D mua của ông Kh có một phần diện tích phía sau giáp với thửa đất của vợ chồng ông. Năm 2016 khi ông D làm nhà ở có san ủi mặt bằng phía sau thửa đất và san ủi lấn chiếm lên đất của vợ chồng ông, ban đầu ông cho rằng ông D lấn chiếm 8,5m². Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, căn cứ vào kết quả đo vẽ cụ thể thì diện tích đất vợ chồng ông D bà Th lấn chiếm của vợ chồng ông là 12,7m², thể hiện đúng như sơ đồ đo vẽ thẩm định trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông D bà Th trả lại cho ông và bà N diện tích đất đã lấn chiếm là 12,7m², có giá trị là 457.200đ.

Tại phiên tòa Ông Đinh Văn B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà Tòa án đã tiến hành theo quy định trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, luật sư Phạm TA, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm: Thửa đất của Ông B bà N là do nhận thừa kế từ ông Đ, bố đẻ của Ông B và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 587887, do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2013, diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 910,9m², Ông B và bà N sử dụng ổn định từ khi nhận thừa kế, không có tranh chấp với ai, ranh giới không thay đổi cho đến khi vợ chồng ông D bà Th mua thửa đất của ông Đàm Đình Kh san ủi mặt bằng để làm nhà vào năm 2016 đã lấn chiếm một phần đất của Ông B bà N, làm thay đổi hiện trạng. Năm 2020 sau khi có kết quả thẩm định của Tòa án, kết quả thẩm định thể hiện thửa đất của Ông B và bà N đang sử dụng có diện tích 929,9m², Ông B bà N đã có đơn kiến nghị gửi đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để điều chỉnh diện tích đúng theo hiện trạng sử dụng, nhưng đây là thủ tục hành chính không liên quan đến nội dung giải quyết tranh chấp. Diện tích đất ông D bà Th đang sử dụng mua của ông Kh có diện tích theo tài liệu, chứng cứ thể hiện là 147m². Tuy nhiên, theo kết quả thẩm định của Tòa án thì hiện trạng của thửa đất hiện nay đang có diện

tích 153,8m², thừa so với diện tích nhận chuyển nhượng. Khi xây nhà ông D bà Th có san ủi mặt bằng có hỏi ý kiến của Ông B bà N , Ông B bà N đồng ý cho san ủi để tiện trong xây dựng chứ không phải nhất trí cho lấn chiếm đất. Ông D bà Th chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi xây nhà không được cấp phép xây dựng. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định ông D bà Th đã lấn chiếm của Ông B bà N diện tích đất là 12,7m².

Ý kiến trình bày của bị đơn, Ông Nguyễn Chí D trong quá trình giải quyết vụ án: Thừa đất số 220 tờ bản đồ số 05 địa chỉ thửa đất tổ dân phố C, thị trấn T , huyện H, tỉnh Tuyên Quang là của vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Đàm Đình Kh , khi nhận chuyển nhượng có lập giấy tờ mua bán, do ông Kh chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa lập được hợp đồng qua công chứng. Vợ chồng ông nhận chuyển nhượng năm 2015 đến năm 2016 thì xây nhà, khi xây nhà có san ủi một phần diện tích phía sau, lúc san ủi có sang trao đổi với Ông B bà N nhưng vì đất của Ông B bà N giáp với đất của vợ chồng ông nên ông mới sang trao đổi chứ không phải vì diện tích san ủi lấn chiếm sang diện tích của Ông B bà N . Khi làm nhà ông căn cứ vào hồ sơ thửa đất, bản đồ địa chính xác định ranh giới và xây dựng, khi xây dựng chỉ xây trong diện tích đất được sử dụng đã nhận chuyển nhượng của ông Kh. Thửa đất ông nhận chuyển nhượng của ông Kh chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đang có tranh chấp, khi xây nhà ông không được cấp phép xây dựng do đất chưa có Giấy chứng nhận. Nhưng do không sai phạm nên việc xây dựng nhà ở của gia đình ông không bị cơ quan có thẩm quyền nào xử lý, không xây dựng nhà ở thì gia đình ông không có chỗ ở khác. Diện tích đất mà Ông B bà N đang cho rằng vợ chồng ông lấn chiếm không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng không nằm trong diện tích đất của Ông B bà N được sử dụng như ý kiến trình bày của Ông B bà N , vợ chồng ông không lấn chiếm đất mà chỉ sử dụng đúng đất mình đã nhận chuyển nhượng, việc không khớp nhau về diện tích chỉ là sai số đo đạc, diện tích đất của ông đang sử dụng chênh không nhiều so với giấy tờ mua bán của ông và ông Kh, sau này đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận ông sẽ đề nghị cấp đúng diện tích theo hiện trạng. Theo kết quả thẩm định của Tòa án thì diện tích chênh lệch tăng giữa hiện trạng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp của Ông B bà N chênh lệch nhiều, Giấy chứng nhận được cấp 910,9m², diện tích thực tế sử dụng 929,9m². Ông khẳng định không lấn chiếm đất của Ông B bà N , không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ông B và ý kiến của bà N .

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Bà Vũ Thị N trong quá trình giải quyết vụ án: Bà N trình bày các nội dung trùng khớp với nội dung Ông Đinh Văn B trình bày và cùng có quan điểm cho rằng ông D bà Th năm 2016 xây nhà san ủi mặt bằng đã lấn chiếm sang đất của vợ chồng bà và bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Bích Th trong quá trình giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Bích Th vắng mặt tại phiên toà, tại biên bản lấy lời khai bà trình bày nội dung giống với ý kiến trình bày của Ông Nguyễn Chí D và xác định vợ chồng bà năm 2016 xây nhà không lấn chiếm đất của Ông B bà N .

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của TAND huyện H trong quá trình giải quyết vụ án: Thửa đất số 41 tờ bản đồ số 116, địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H hiện nay Ông Đinh Văn B và Bà Vũ Thị N đang sử dụng, có nguồn gốc nhận thừa kế của ông Đinh Văn Đ , bố đẻ ông B. Ông B bà N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 587887, do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2013, đối với thửa đất nói trên năm 2013, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp diện tích thửa đất là 910,9m², hiện trạng sử dụng đất theo kết quả thẩm định là 929,9m², chênh lệch tăng 19m².

Thửa đất số 220 tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H hiện nay Ông Nguyễn Chí D và Bà Nguyễn Thị Bích Th đang sử dụng, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Đàm Đình Kh, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đang có tranh chấp. Theo tài liệu nhận chuyển nhượng của ông D và ông Kh thì thửa đất có diện tích 147m², hiện trạng sử dụng đất là 153,8m², chênh lệch tăng 6,8m².

Khi có mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất và xác định diện tích đất nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn chiếm của nguyên đơn (nguyên đơn tự xác định vị trí đất có tranh chấp, hiện trạng sử dụng đất của nguyên đơn), Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tài nguyên và Môi trường Hà Tuyên đã tiến hành biên tập, có chồng ghép mảnh trích đo hiện trạng với bản đồ địa chính thị trấn T , huyện H; kết quả thể hiện tại mảnh trích đo lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản xác minh ông Đàm Đình Kh xác nhận, thửa đất hiện nay ông D bà Th đang sử dụng là đất ông chuyển nhượng cho ông D bà Th. Thửa đất này có nguồn gốc từ việc ông nhận chuyển nhượng của bà Đoàn Thị Ph, rồi chuyển nhượng lại cho ông D bà Th, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và vợ chồng ông D bà Th đã thực hiện xong, chỉ còn thủ tục hành chính vì đang vướng tranh chấp nên chưa thực hiện được.

Vụ án trên đã được TAND huyện H, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST, ngày 24/9/2022 của TAND huyện H, tỉnh Tuyên Quang quyết định: Căn cứ Điều 26, 35, 36, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 100, 106, 166, 170, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đinh Văn B về việc yêu cầu Ông Nguyễn Chí D trả lại 12,7m² đất, vị trí đất tranh chấp tại Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đinh Văn B phải nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 10.190.000đ (*Mười triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*); Ông B đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Ông Đinh Văn B phải nộp toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch của vụ án số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001325 ngày 06/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ông Đinh Văn B đã nộp đủ án phí.

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10 và ngày 07/10/2022, Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Ông Đinh Văn B đơn không ghi ngày, các đơn kháng cáo có cùng nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 24/9/2022 của TAND huyện H. Yêu cầu Ông Nguyễn Chí D phải trả lại tổng diện tích 12,7m² vị trí đất tranh chấp tại Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Ông Nguyễn Chí D chỉ bằng giấy tờ viết tay không công chứng, chứng thực là vô hiệu, vi phạm luật đất đai năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01/07/2014, Ông Nguyễn Chí D là đối tượng chưa phải là người sử dụng đất chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hợp pháp, khi xây dựng ông D không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng. Như vậy trước khi xây dựng nhà ông D phải có giấy phép xây dựng, nhưng ông phớt lờ chính quyền địa phương là UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ông cố tình xây dựng mặc dù cán bộ UBND thị trấn T đến làm việc nhưng ông không chấp hành và ngoài ra cũng không thấy cấp chính quyền địa phương là UBND thị trấn T, huyện H xử lý đối với hành vi sai phạm của Ông Nguyễn Chí D, công dân sống tại địa phương quản lý. Ông Nguyễn Chí D là đối tượng lấn chiếm đất của gia đình ông, việc lấn chiếm vi phạm này xuất phát khởi điểm từ ông Đàm Đình Kh là chính. Bởi lẽ ông Kh nhận chuyển nhượng từ chủ đất ban đầu là bà Đoàn Thị Ph, hiện trạng ban đầu có mốc giới, lời khai cụ thể rõ ràng đối với các hộ liền kề. Tháng 8 năm 2015 khi ông Đàm Đình Kh bán cho bị đơn là Ông Nguyễn Chí D có sự thay đổi hiện trạng, mốc giới, diện tích lớn hơn nhiều so với ban đầu khi ông Kh mua của bà Đoàn Thị Ph. Khẳng định phần đất của ông D mua lại của ông Kh là lấn chiếm sang phần đất của gia đình tôi (Đinh Văn B). Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

tôi yêu cầu bị đơn Ông Nguyễn Chí D phải trả lại cho tôi 12,7m² đất đã lấn chiếm của gia đình tôi và án phí, chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Đinh Văn B đề nghị giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Ông Nguyễn Chí D phải trả lại cho Ông Đinh Văn B 12,7m² đất đã lấn chiếm của gia đình Ông B và buộc ông D phải chịu án phí, chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Ông Nguyễn Chí D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Bích Th có đơn xin xét xử vắng, trong đơn có trình bày ý kiến xin giữ nguyên lời khai có trong hồ sơ, không thay đổi ý kiến. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ông Đinh Văn B hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn Ông Đinh Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 108/2022/DS-ST, ngày 24/9/2022 của TAND huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục kháng cáo:

Ngày 06 và ngày 07/10/2022, nguyên đơn Ông Đinh Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 108/2022/DS-ST, ngày 24/9/2022 của TAND huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, đơn kháng cáo của nguyên đơn Ông Đinh Văn B là hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ông Đinh Văn B; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tòa án cấp sơ xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là đúng quan hệ pháp luật. Ông B bà N cho rằng bị đơn ông D lấn chiếm 12,7m² đất của nguyên đơn căn cứ vào việc khi xây nhà ở bị đơn có san ủi một phần ta luy đất phía sau giáp với đất của nguyên đơn. Về nguồn gốc sử dụng đất thì các

đương sự đều được quyền quản lý, sử dụng đất thông qua việc thừa kế hoặc nhận chuyển nhượng. Thừa đất khi bà Đoàn Thị Ph chuyển nhượng cho ông Kh cạnh thửa đất của ông M bà Ng chiều rộng 4,2m chiều dài bằng thửa đất của ông M bà Ng phía sau giáp đất của Ông B bà N là đồi cao nhưng không có sơ đồ về đo vẽ cụ thể diện tích thửa đất, tại Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Kh với ông D thỏa thuận diện tích đất chiều rộng 4,2m, chiều dài 35m, ngày 11 tháng 8 năm 2015 với tổng diện tích đất là 147m². Nhà Ông B bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 587887, do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2013, đối với thửa đất nói trên năm 2013, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp diện tích thửa đất là 910,9m², tại mảnh trích đo thẩm định tại chỗ diện tích thửa đất là 929,9m² mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất được chồng ghép với mảnh trích bản đồ địa chính của thị trấn T, huyện H. Kết quả thể hiện sau khi chồng ghép các tài liệu về ranh giới sử dụng đất đối với thửa đất nguyên đơn đang sử dụng không trùng khớp, có những vị trí ranh giới hiện trạng đang sử dụng vượt quá so với bản đồ địa chính, vị trí ranh giới tiếp giáp giữa thửa đất nguyên đơn đang sử dụng và thửa đất bị đơn đang sử dụng các cạnh tiếp giáp trùng khớp giữa hiện trạng và bản đồ địa chính, không thể hiện việc có sự chồng lấn; phần diện tích đất 12,7m² đang có tranh chấp nằm trong diện tích đất bị đơn đang sử dụng và nằm trong thửa đất số 220 tờ bản đồ số 05 theo bản đồ địa chính. Đối với việc diện tích chênh lệch tăng của thửa đất bị đơn đang sử dụng là sai số do đo đạc, vì ranh giới thửa đất khi chồng ghép với bản đồ địa chính là trùng khớp; chênh lệch tăng của thửa đất nguyên đơn đang sử dụng có thể do có phần diện tích đồi dư nhưng không nằm ở phía giáp ranh với thửa đất của bị đơn nhưng tại các điểm 17, 18, 19, 20 của mảnh trích đo so với sơ đồ của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà Ông B bà N được cấp các điểm không có sự thay đổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Đinh Văn B không nộp thêm tài liệu, chứng cứ để có căn cứ chứng minh cho việc kháng cáo của mình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy; Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ông Đinh Văn B yêu cầu bị đơn Ông Nguyễn Chí D trả lại diện tích 12,7m² đất mà nguyên đơn cho rằng bị đơn đã lấn chiếm.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Đinh Văn B phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định, số tiền 10.190.000đ (*Mười triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*). Ông Đinh Văn B đã nộp đủ số tiền trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đinh Văn B phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch của vụ án số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải nộp án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do tại cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Đinh Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ông Đinh Văn B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST, ngày 24/9/2022 của TAND huyện H, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đinh Văn B về việc yêu cầu Ông Nguyễn Chí D trả lại 12,7m² đất, vị trí đất tranh chấp tại Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đinh Văn B phải nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 10.190.000đ (*Mười triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*); Ông B đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Ông Đinh Văn B phải nộp toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch của vụ án số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001325 ngày 06/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ông Đinh Văn B đã nộp đủ án phí.

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Văn B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005782 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ông Đinh Văn B đã nộp đủ.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 11/7/2023.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Ma Hồng Thắng